

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06/2010/TT-BTC

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2010

THÔNG TƯ**Hướng dẫn xác định doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp
đối với hoạt động bán vé, bán thẻ hội viên sân golf**

Căn cứ Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 và Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn bổ sung cách xác định doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động bán vé, bán thẻ hội viên sân golf như sau:

Điều 1. Sửa đổi điểm 3.9 khoản 3 mục III phần C Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính như sau

“3.9. Đối với hoạt động kinh doanh sân golf là tiền bán thẻ hội viên, bán vé

chơi golf và các khoản thu khác trong kỳ tính thuế được xác định như sau:

a) Đối với hình thức bán vé, bán thẻ chơi golf theo ngày, doanh thu kinh doanh sân golf làm căn cứ xác định thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp là số tiền thu được từ bán vé, bán thẻ phát sinh trong kỳ tính thuế.

b) Đối với hình thức bán vé, bán thẻ hội viên loại thẻ trả trước cho nhiều năm, doanh thu làm căn cứ xác định thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp của từng năm là số tiền bán thẻ thực thu được chia cho số năm sử dụng thẻ.

Ví dụ 1: Công ty TNHH A1 là doanh nghiệp kinh doanh sân golf, năm 2009 Công ty bán 1 thẻ hội viên cho khách hàng B1 với giá là 36.000 USD (đã có thuế tiêu thụ đặc biệt và chưa có thuế giá trị gia tăng), thời hạn cung cấp dịch vụ là 40 năm, thanh toán 1 lần ngay thời điểm mua thẻ.

Trường hợp này, khi xác định doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động bán thẻ hội viên sân gôn cho khách hàng B1, hàng năm Công ty TNHH A1 thực hiện phân bổ doanh thu được do bán thẻ theo thời hạn thẻ (36.000 USD chia (:) 40 năm bằng (=) 900 USD/năm).

Ví dụ 2: Công ty TNHH A2 là doanh nghiệp kinh doanh sân gôn, năm 2009 Công ty bán 1 thẻ hội viên cho khách hàng B2 với giá là 36.000 USD (đã có thuế tiêu thụ đặc biệt và chưa có thuế giá trị gia tăng), thời hạn cung cấp dịch vụ là 40 năm, thời hạn thanh toán trong 5 năm đầu tiên theo hợp đồng như sau:

Năm	Mức thanh toán
2009	10.000 USD
2010	9.000 USD
2011	8.000 USD
2012	7.000 USD
2013	2.000 USD

Trường hợp này, khi xác định doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động bán thẻ hội viên sân gôn cho khách hàng B2, hàng năm Công ty TNHH A2 thực hiện phân bổ doanh thu được do bán thẻ theo thời hạn thẻ (36.000 USD chia (:) 40 năm bằng (=) 900 USD/năm).

Ví dụ 3: Công ty TNHH A3 là doanh nghiệp kinh doanh sân gôn, năm 2009 Công ty bán 1 thẻ hội viên cho khách hàng B3 với giá là 36.000 USD (đã có thuế tiêu thụ đặc biệt và chưa có thuế giá trị gia tăng), thời hạn cung cấp dịch vụ là 40 năm, hình thức thanh toán tiền mua thẻ theo kỳ 5 năm/lần, mỗi lần thanh toán một khoản tiền bằng nhau. Cụ thể như sau:

Năm	Mức thanh toán
2009	4.500 USD
2014	4.500 USD
2019	4.500 USD
2024	4.500 USD
2029	4.500 USD
2034	4.500 USD
2039	4.500 USD
2044	4.500 USD
2049	4.500 USD

Trường hợp này, khi xác định doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động bán thẻ hội viên sân gôn cho khách hàng B3, hàng năm Công ty TNHH A3 thực hiện phân bổ doanh thu được do bán thẻ theo thời hạn thẻ (36.000 USD chia (:) 40 năm bằng (=) 900 USD/năm).”

Điều 2. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

phản ánh về Bộ Tài chính để được hướng dẫn giải quyết kịp thời./.

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2009.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đỗ Hoàng Anh Tuấn